TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hưởng

Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà P T T Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông N H M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện Y, tỉnh Z.

(Bà Q có mặt; ông M vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà P T T Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và ông M đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Bến Y, tỉnh Z.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã T, huyện Y, tỉnh Z. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến nhiều bất đồng trong cuộc sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà đã nhiều lần khuyên nhũ, nhưng ông M không thay đổi, nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: có hai con chung tên N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013; N N Đ Th, sinh ngày 02/4/2019. Con đang sống với ông M sau khi ly hôn bà đồng ý để ông M được nuôi con chung tên N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013, đối với cháu N N Đ Th, sinh ngày 02/4/2019 bà tha thiết được nuôi con vì theo kết quả khám bệnh của Bệnh viện Nhi đồng 1 hiện nay bé Đ Th được chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ.

Về chia tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2022 bị đơn ông N H M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Q về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng cũng như thủ tục đăng ký kết hôn. Ông M xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, cả ông và bà Q đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để hàn gắn lại tình cảm, nhưng không có kết quả. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà Q ông đồng ý vì cả hai đã không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về nuôi con chung: có hai con chung tên N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013; N N Đ Th, sinh ngày 02/4/2019. Con đang sống với ông M, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi hai con chung vì hai con đã có cuộc sống ổn định, cháu Thanh đang đi học tại Ấp 6, xã T, huyện Y, tỉnh Z. Ông không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, ông M có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án các cấp vì hiện nay ông bận đi làm không có thời gian để đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, bà Q có mặt, ông M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà P T T Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N H M, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông N H M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà P T T Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N H M, xác định bà Q là nguyên đơn, ông M là bị đơn.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Q:

Bà Q và ông M xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Z nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà Q và ông M trình bày thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, cả hai đã tạo cơ hội để cùng nhau hàn gắn tình cảm, nhưng không có kết quả. Do đó ông M bà Q đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2022. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà Q ông M trình bày là không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho cả hai được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông M bà Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q.

Về nuôi con chung: Có hai con chung tên N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013 và N N Đ Th, sinh ngày 02/4/2019, hiện đang sống chung với ông M. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được nuôi cháu Th, đồng ý để ông M tiếp tục nuôi cháu T. Ông M thì có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, đối với cháu N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013 từ khi ông M bà Q không sống chung với nhau cháu do ông M nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về mọi mặt và hiện nay đang có cuộc sống ổn định. Hơn nữa cháu có nguyện vọng được sống chung với ông M khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử giao cháu N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013 cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của ông M là không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu N N Đ Th, sinh ngày 02/4/2019 theo quả khám bệnh tại Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh mà bà Q cung cấp cho Tòa án thì bé có biểu hiện chậm nói, ít đáp ứng yêu cầu và được chẩn đoán là rối loạn phổ tự kỷ. Hơn nữa cháu Th sinh ngày 02/4/2019 đến nay chưa đủ 04 tuổi do đó cần được sống gần mẹ để bà Q chăm sóc nuôi dưỡng bé, từ đó bé sẽ phát triển tốt hơn về mặt thể chất và tinh thần. Hơn nữa, ông M đã được quyền nuôi cháu T, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu Thư cho bà Q nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của bà Q không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà Q ông M xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà Q ông M xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P T T Q đối với ông N H M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà P T T Q được ly hôn với ông N H M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu N N Đ T, sinh ngày 29/4/2013 cho ông N H M tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc Đ Th, sinh ngày 02/4/2019 cho bà P T T Q tiếp tục nuôi dưỡng. Bà P T T Q và ông N H M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà P T T Q phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012260 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà P T T Q đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền